

Phụ lục số 01
NGUỒN THU PHỤC VỤ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND phường Nghĩa Lộ
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung nguồn thu	Dự toán tính giao	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	NGUỒN THU PHỤC VỤ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	20.100	
I	Nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn	16.245	
II	Nguồn phân cấp	2.850	
III	Tiết kiệm chi 5%	1.005	

Phụ lục số 02
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (DỰ KIẾN)
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND phường Nghĩa Lộ

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung thực hiện	Số dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú
			Tổng cộng	NS phường	Tổng cộng	Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tiết kiệm 5%	
	TỔNG CỘNG				20.100	2.850	16.245	1.005	
I	Phân bổ thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2026	8	44.000	44.000	370	370	0		
II	Phân bổ khi đảm bảo điều kiện (bố trí dự án thực hiện khởi công mới năm 2026)				18.495	2.250	16.245		
III	Phân bổ thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến đầu tư năm 2027				230	230			
IV	Tiết kiệm 5%				1.005			1.005	

Phụ lục số 03
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (DỰ KIẾN)
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND phường Nghĩa Lộ

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện dự án	Đầu mỗi giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh dự án (nếu có)			Tổng mức đầu tư điều chỉnh sau khi khảo sát, đánh giá hiện trạng	Quy mô thực hiện	Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú
				Số Quyết định (nếu có)	Tổng mức đầu tư	NS phường			Tổng cộng	Ngân sách phường			
										Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tiết kiệm chi 5%	
	TỔNG CỘNG				44.000	44.000	32.269	0	20.100	2.850	16.245	1.005	
I	Phân bổ thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2026				44.000	44.000	32.269		370	370	0		
1	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn (từ Tờ 1 đến Tờ 4)	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		10.000	10.000	6.821	L=3005 m; 23 tuyến	50	50			
2	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn (từ Tờ 9 đến Tờ 12)	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		5.000	5.000	3.588	L=1125 m; 06 tuyến	50	50			
3	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn (từ Tờ 13 đến Tờ 18)	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		6.000	6.000	5.171	L=2660 m; 18 tuyến	50	50			
4	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn (từ Tờ 5 đến Tờ 8)	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		5.000	5.000	3.410	L=1725 m; 08 tuyến	50	50			
5	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn (từ Tờ 19 đến Tờ 28)	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		4.000	4.000	5.484	L=1185 m; 06 tuyến	50	50			
6	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn (từ Tờ 29 đến Tờ 34)	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		5.000	5.000	627	L=205 m; 02 tuyến	20	20			
7	Lắp đặt điện chiếu sáng trên địa bàn phường	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		5.000	5.000	3.168	26 tuyến	50	50			

STT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh dự án (nếu có)			Tổng mức đầu tư điều chỉnh sau khi khảo sát, đánh giá hiện trạng	Quy mô thực hiện	Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú
				Số Quyết định (nếu có)	Tổng mức đầu tư	NS phường			Tổng cộng	Ngân sách phường			
										Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tiết kiệm chi 5%	
8	Sửa chữa một số hạng mục Chợ Ông Bó	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		4.000	4.000	4.000	Sửa chữa 2 khối nhà lồng. Thay mái tole, xà gỗ, quét vôi lăn sơn, đổ bê tông nền 2 nhà lồng,hệ thống điện (S=600M2); xây mới 1 nhà lồng phía sau 16 lô quây (KT 8.8m x30m); xây mới 2 nhà lồng phía trước 10 lô quây (8.8*20m); đổ bê tông nền toàn bộ, tường rào cổng ngõ; nhà vệ sinh xây mới (70 m2); xây mới nhà bảo vệ	50	50			
II	Phân bổ khi đảm bảo điều kiện (bố trí dự án thực hiện khởi công mới năm 2026)								18.495	2.250	16.245		
III	Phân bổ thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến đầu tư năm 2027								230	230			
IV	Tiết kiệm 5%								1.005				